

Số: /KH-UBND

Nam Định, ngày tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Nam Định, giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 2/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021- 2025; Chương trình tổng thể Cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Nam Định, giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tập trung xây dựng và triển khai đồng bộ, có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo theo quy định tại Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030 và Chương trình tổng thể cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2030.

Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Nam Định, phấn đấu đến năm 2025, Chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nam Định thuộc nhóm khá trong bảng xếp hạng của cả nước.

2. Yêu cầu

Các sở, ban ngành, UBND huyện, thành phố Nam Định nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, chiến lược của tỉnh trong thời gian tới.

Kế hoạch xây dựng bám sát mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chương trình tổng thể Cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2030; trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, phù hợp với điều kiện thực tiễn yêu cầu đặt ra của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

Các mục tiêu cải cách hành chính của từng lĩnh vực cụ thể, khả thi, có tính định lượng cao.

Nhiệm vụ cải cách hành chính xác định rõ sản phẩm đầu ra, thời gian hoàn thành, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Mục tiêu đến năm 2025

1.1. Cải cách thể chế

- 100% văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ban hành đúng quy định, tiến độ; đảm bảo yêu cầu về chất lượng và tính khả thi.
- Tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho doanh nghiệp và mọi thành phần kinh tế.

1.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Đến năm 2025, hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử đạt tối thiểu 80%.

- Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%. Giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp với cổng Dịch vụ công quốc gia ngay khi có quyết định công bố; 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử.

- 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, và được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời đạt 90%.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Thực hiện phân cấp việc giải quyết TTHC giữa UBND tỉnh với cấp sở, huyện, thành phố theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 75/NQ-CP ngày 14/7/2021; đạt mục tiêu phân cấp ít nhất 20% TTHC.

1.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh thực sự tinh gọn, thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị được phân định rõ, không chồng chéo, trùng lặp.

- Hoàn thành việc sắp xếp, thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

- Đến năm 2025, giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

1.4. Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài; có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh.

1.5. Cải cách tài chính công

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị.

- Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

1.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- 100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền.
- 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.
- 100% hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.
- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đạt: 100%, cấp huyện: 80%.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng.
- 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

1.7. Công tác chỉ đạo điều hành

- Phân đầu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025.
- Phân đầu đến năm 2025, Chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nam Định thuộc nhóm khá trong bảng xếp hạng của cả nước. Tiếp tục giữ vững vị trí thuộc nhóm các tỉnh có vị trí cao nhất cả nước về Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính.

2. Nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực và các cơ quan được giao chủ trì triển khai các nội dung công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Thực hiện cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố để bảo đảm Kế hoạch được thực hiện đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội

Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến thông tin để cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách về cải cách hành chính. Chú trọng tuyên truyền những giải pháp, lợi ích mà cơ quan nhà nước phục vụ, cung cấp cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính

Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính tại các Sở, ban ngành, cấp huyện, cấp xã.

Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho

những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban ngành, cấp huyện, xã theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp bằng nhiều hình thức khác nhau đối với các nội dung: ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công....

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính các cấp.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

IV. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thuộc Kế hoạch được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố Nam Định

- Căn cứ Kế hoạch này, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và tình hình thực tế của cơ quan, địa phương; xây dựng kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn, hàng năm, triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025 bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ.

- Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Kế hoạch, chủ động và phối hợp với các cơ quan, đơn vị để hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

- Bố trí, phân công công chức, viên chức đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức để triển khai có hiệu quả các nội dung theo Kế hoạch cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

- Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm, giai đoạn hoặc đột xuất theo yêu cầu.

- Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền, quán triệt Chương trình cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch nâng cao chỉ số cải cách hành chính; chú trọng sự chủ động, kịp thời, chính xác, có tính định hướng dư luận trong công tác tuyên truyền, thông tin tới người dân.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá mức độ hài lòng và giải quyết dứt điểm các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị cũng như của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Các cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp triển khai các nội dung cải cách hành chính theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước

2.1. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực, tham mưu UBND tỉnh thực hiện các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn; hàng năm và triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính theo các lĩnh vực tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ.

- Kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình thực hiện Kế hoạch hàng quý, 6 tháng, hàng năm, giai đoạn hoặc đột xuất.

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng, triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

- Đến năm 2025 tiến hành tổng kết, khen thưởng, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

2.2. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai nội dung về cải cách TTHC, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Tập trung rà soát, đánh giá và đề xuất phương án phân cấp trong giải quyết TTHC, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Tăng cường chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh; bộ phận một cửa các cấp.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thực hiện TTHC trực tuyến và phát triển dịch vụ bưu chính công ích.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại với người dân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC. Thường xuyên lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, công chức giải quyết TTHC.

2.3. Sở Tư pháp

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

- Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật.

- Tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi việc thực hiện và đánh giá hiệu lực hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực, ngành, thuộc phạm vi quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2.4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nội dung xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các nội dung cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt là giải quyết TTHC trực tuyến trên nền tảng mạng xã hội và thiết bị di động.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, trong các dịch vụ phục vụ người dân và tổ chức.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo, Trung tâm lưu trữ dữ liệu tỉnh...

2.5. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công.

- Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong Kế hoạch theo quy định.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức khác

- Đề nghị Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động tích cực tham gia giám sát và thực hiện Kế hoạch.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh phối hợp với cơ quan chuyên môn xây dựng các chuyên mục, chuyên trang với hình thức và nội dung phong phú về công tác cải cách hành chính. Thông tin, tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Kế hoạch và phản hồi ý kiến của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 – 2025, trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Nam Định;
- UBND các huyện, thành phố Nam Định;
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11, TTPVHCC&XTĐT tỉnh, VP8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2021 của UBND tỉnh)

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
I	Cải cách thể chế							
	1.1 Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực	2.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng VBQPPL	3.1. Ban hành VBQPPL mới đảm bảo tính kịp thời, hợp pháp, đồng bộ, khả thi; tuân thủ quy định hiện hành về xây dựng và ban hành VBQPPL.	Văn bản QPPL: - Nghị quyết, - Quyết định.	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Tư pháp	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên
3.2. Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL			- Kế hoạch - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản của địa phương	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
3.3. Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra			- Báo cáo xử lý	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Tư pháp	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
1.2 Tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của		2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành pháp luật	3.4. Triển khai các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật (kiểm tra, điều tra, khảo sát, thu thập thông tin...)	- Kế hoạch - Báo cáo	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên
	3.5. Xử lý theo thẩm		- Báo cáo	Sở Tư pháp	Các Sở,	Hàng năm	Kinh phí	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
	cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.		quyền hoặc kiến nghị xử lý sau theo dõi thi hành pháp luật			ban, ngành, UBND các huyện, thành phố		thường xuyên
		2.3 Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	3.6. Đổi mới nội dung, cách thức phổ biến, giáo dục PL	- Kế hoạch - Báo cáo	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên
			3.7. Khảo sát, đánh giá nguồn nhân lực phổ biến, giáo dục pháp luật để bổ sung, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực	- Kế hoạch - Báo cáo - Lóp tập huấn	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	Kinh phí thường xuyên
II	Cải cách Thủ tục hành chính							
	1.1 Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước	2.1. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	3.1. Tổ chức rà soát, đánh giá TTHC	- Kế hoạch - Báo cáo	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	VP UBND tỉnh	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên
			3.2. Kiến nghị đơn giản hóa TTHC	- Văn bản kiến nghị	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên
			3.3. Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành	- Kế hoạch - Báo cáo	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện,	Hàng năm	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			chính nhà nước			thành phố		
1.2 Đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	2.2. Thực hiện đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	3.4. Triển khai xây dựng và thực hiện có hiệu quả Đề án	- Kế hoạch triển khai Đề án - Báo cáo kết quả	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên	
	2.3. Cập nhật, công khai đầy đủ TTHC dưới nhiều hình thức	3.5. Công bố danh mục TTHC ngay sau Bộ công bố TTHC - Cập nhật, công khai đầy đủ, đúng quy định	- Quyết định	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	VP UBND tỉnh	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên	
	2.4. Nâng cao sự hài lòng của người dân và tổ chức với việc giải quyết TTHC	3.6. Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC	- Quyết định	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Kinh phí thường xuyên	
		3.7. Tổ chức đối thoại lấy ý kiến người dân và tổ chức, đo lường sự hài lòng.	- Hội thảo - Điều tra XXH	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	VP UBND tỉnh	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
	2.5. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	3.8. Tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, phát huy hiệu quả hoạt động của Công dịch vụ công	- Số lượng TTHC mức độ 3,4	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			của tỉnh					
			Rà soát, tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	- Báo cáo	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở TT&TT	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Kinh phí thường xuyên
			3.9. Kết nối Cổng DVC tỉnh với Cổng DVC quốc gia	- Số lượng TTHC của tỉnh trên cổng DVC quốc gia	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên
III	Cải cách tổ chức Bộ máy HCNN							
	1. Xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	2.1. Xây dựng, hoàn thiện các văn bản về tổ chức bộ máy của các đơn vị hành chính trong tỉnh	3.1. Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp	- Kế hoạch - Dự thảo Quyết định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
3.2. Ban hành văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan			Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên	
2.2 Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước		3.3. Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai các giải pháp trọng tâm, thiết thực và khả thi để đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả phân cấp	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hoàn thành quý IV/2021	Kinh phí thường xuyên	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			quản lý nhà nước đối với các ngành, các cấp.					
		2.3. Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước	3.4. Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị	- Kế hoạch - Đề án sắp xếp cơ cấu tổ chức các cơ quan - Quyết định của UBND tỉnh về cơ cấu tổ chức của các cơ quan.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021 - 2022	Kinh phí thường xuyên
			3.5. Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án	Xây dựng, triển khai các đề án sáp nhập, giải thể BQL	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
	2. Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương	2.4. Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật	3.6. Phương án tổng thể	- Kế hoạch - Đề án - Chương trình - Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			2.5. Sắp xếp các đơn vị hành chính, thôn, tổ dân phố đảm bảo theo đúng quy định.	3.7. Sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố	- Kế hoạch - Đề án - Chương trình - Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2022
	3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL	2.6 Triển khai các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các ĐVSNCL theo từng ngành,	3.8 Rà soát hiện trạng các ĐVSNCL	- Báo cáo	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2022	Kinh phí thường xuyên
				3.9. Xây dựng các Đề án thành lập, sáp nhập,	- Đề án - Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành,	Năm 2021-2022

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
		lĩnh vực	hợp nhất, giải thể các ĐVSNCL			UBND các huyện, thành phố		xuyên
		2.7. Chuyển các ĐVSNCL sang tự chủ	3.10. Chuyển ĐVSNCL sang tự chủ	- Kế hoạch - Đề án - Quyết định	Sở Nội vụ Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
IV	Cải cách chế độ công vụ							
	1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài.	2.1. Đội ngũ công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định	3.1. Xây dựng và sắp xếp đội ngũ CC, VC theo đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và 106/2020/NĐ-CP	- Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên
3.2. Kiểm tra việc thực hiện Đề án vị trí việc làm			- Kế hoạch kiểm tra - Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
2.2. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính		3.3. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm	- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra - Quyết định xử lý kỷ luật	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
2.3. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm		3.4. Mở các lớp bồi dưỡng cho CB, CC, VC theo vị trí việc làm	- Lớp tập huấn	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2022	Kinh phí thường xuyên	
		3.5. Bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã có	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành,	Hàng năm	Kinh phí thường	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc	- Báo cáo kết quả		UBND các huyện, thành phố		xuyên
	2. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.	2.4. Đổi mới công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức	3.6. Xây dựng các quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo	- Các văn bản Quy định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi có Quy định khung của Chính phủ	Kinh phí thường xuyên
3.7. Tổ chức tuyển dụng cạnh tranh			- Kế hoạch tuyển dụng - Báo cáo kết quả	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Từ năm 2022	Kinh phí thường xuyên	
3.8. Ứng dụng CNTT trong tuyển dụng			- Kế hoạch - Báo cáo kết quả	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
V	Cải cách tài chính công				Sở Tài chính			
	1. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan	2.1 Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	3.1. Xây dựng, trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Nghị quyết của HĐND tỉnh trong từng lĩnh vực sự nghiệp công	Các Sở, ban, ngành UBND các huyện, thành phố	Sở Tài chính, Sở Nội vụ	2021-2025	0

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
	hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	2.2. Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật	3.2. Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế-kỹ thuật và giá cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; - Đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.	Quyết định của UBND tỉnh trong từng lĩnh vực sự nghiệp công	Các Sở, ban, ngành UBND các huyện, thành phố	Sở Tài chính	2021-2025	5.000 triệu đồng (thuê tư vấn khảo sát, xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật và giá cung cấp dịch vụ)
		2.3. Thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	3.3. Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Quyết định của UBND tỉnh trong từng lĩnh vực sự nghiệp công	Các Sở, ban, ngành UBND các huyện, thành phố	Sở Tài chính	2021-2025	0
		2.4. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương	3.4. Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Quyết định của UBND tỉnh trong từng lĩnh vực sự nghiệp công	Các Sở, ban, ngành UBND các huyện, thành phố	Sở Tài chính, Sở Nội vụ Sở Nội vụ	2021-2025	0

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
		2.5. Nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm kinh phí Ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị	3.5. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định giá dịch vụ sự nghiệp công tính đúng, tính đủ chi phí đối với một số lĩnh vực hoặc đơn vị có đủ điều kiện	- Quyết định của UBND tỉnh, - Nghị quyết của HĐND tỉnh trong từng lĩnh vực sự nghiệp công	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành UBND các huyện, thành phố	2021-2025	0
		2.6. Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ)	3.6. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ)	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành UBND các huyện, thành phố	2021-2025	0
	2. Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước	2.7. Thực hiện rà soát đối với DNNN và DN có vốn nhà nước, đẩy nhanh chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn nhà nước tại DN	3.7. Chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước	Báo cáo tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và đầu tư	Sở Tài chính	2021-2025	Ngân sách tỉnh
	3. Đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp	2.8. Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp	3.8. Kiểm tra, giám sát	Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và đầu tư	2021-2025	Ngân sách tỉnh
	4. Kiểm soát tham nhũng tại	2.9. Xây dựng và tổ chức thực hiện các	3.9. Phê duyệt kế hoạch thanh tra, khảo sát xây	Kết luận thanh tra	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành	2021-2025	Kinh phí QLNN

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
	các cơ quan, đơn vị	cuộc thanh tra và tài chính – ngân sách hàng năm trong đó lồng ghép nội dung công tác phòng chống tham nhũng và công khai, minh bạch; việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức, chế độ; việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công	dựng đề cương báo cáo, ban hành quyết định thanh tra và tổ chức thực hiện			UBND các huyện, thành phố		được bố trí trong dự toán NSNN hàng năm của Sở Tài chính
VI	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số							
	1. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, bảo đảm an toàn thông tin mạng	2.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý	3.1. Ban hành các văn QPPL, văn bản chỉ đạo, điều hành tạo môi trường pháp lý để phát triển chính quyền điện tử của tỉnh	Các VBQPPL, văn bản chỉ đạo, điều hành.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	2021-2025	Kinh phí thường xuyên
2.2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật		3.2. Đầu tư trang thiết bị, bổ sung hạ tầng kỹ thuật	Các hệ thống thông tin, thiết bị công nghệ thông tin.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	2021-2025	Kinh phí thường xuyên	
		3.3. Phát triển hạ tầng truyền dẫn và hệ thống dữ liệu	Nâng cấp mạng lưới truyền dẫn, kết nối đường truyền số liệu	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
				chuyên dùng, sử dụng các công nghệ lưu trữ dữ liệu an toàn, hiệu quả.				
		2.3. Phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia:	3.4. Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu	Tiếp tục tích hợp các hệ thống vào LGSP và kết nối tới NGSP	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			3.5. Nâng cấp, mở rộng và phát triển các HTTT nền tảng, dùng chung của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm QLVB và điều hành - Hệ thống một cửa điện tử tích hợp công cung cấp DVC - Chứng thư số chuyên dùng - Phần mềm QL CBCC 	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			3.6. Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân,	Các ứng dụng trên thiết bị di động.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	2021-2025	Kinh phí thường xuyên

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			doanh nghiệp					
		2.4. Phát triển dữ liệu số quốc gia	3.7. Số hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu.	Các hệ thống dữ liệu.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	2021-2025	Kinh phí thường xuyên
		2.5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ	3.8. Duy trì, nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm dùng chung	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. - Hệ thống một cửa điện tử. - Hệ thống quản lý cán bộ công chức. - Hệ thống báo cáo. - Các hệ thống CSDL chuyên ngành. - Hệ thống giám sát an toàn thông tin. 	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			3.9. Nâng cấp hoàn thiện và triển khai Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến	- Hệ thống truyền hình trực tuyến kết nối từ Trung ương tới tỉnh, huyện, xã.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			3.10. Hoàn thành việc kết nối, liên thông Hệ thống thông tin báo cáo, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo	Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021	Kinh phí thường xuyên

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			của tỉnh					
			3.11. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng	- Chuẩn hóa quy trình dịch vụ công trực tuyến. - Chuẩn hóa lưu trữ văn bản điện tử.	- Sở TT&TT - Sở Nội vụ, Sở TTTT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			3.12. Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên phạm vi toàn tỉnh	Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO	Sở KH và CN	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã		Kinh phí thường xuyên
		2.6. Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:	3.13. Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh	- Hệ thống dịch vụ công trực tuyến - Cổng thông tin điện tử - Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			3.14. Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến	Các nền tảng tương tác trực tuyến.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
			3.15. Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử	Thanh toán điện tử	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên
		2.7. Xây dựng, phát triển đô thị thông minh	3.16. Xây dựng và triển khai Đề án Xây dựng thành phố thông minh tỉnh Nam Định	- Đề án - Báo cáo	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP.	Năm 2021-2025	Kinh phí thường xuyên

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
VII	Công tác chỉ đạo điều hành							
Hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra	2.1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch	3.1. UBND tỉnh ban hành kế hoạch chung toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	- Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã	Quý 3/2021	Kinh phí thường xuyên	
		3.2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra,	- Kế hoạch	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã		Quý 4/2021	Kinh phí thường xuyên	
		3.3. Báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất	- Báo cáo	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã		Định kỳ và đột xuất		
	2.2. Bố trí các nguồn lực	3.4. Bố trí nguồn nhân lực, vật lực để thực hiện kế hoạch	Quyết định	Các Sở, ban, ngành và UBND các cấp	Sở Nội vụ	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
	2.3. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền	3.5. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau	- Kế hoạch - Báo cáo	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành và UBND các cấp	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
	2.4. Thanh tra, kiểm tra thực hiện kế hoạch	3.6. Thanh tra, kiểm tra thường niên	- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra - Báo cáo xử lý sau thanh, kiểm tra	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND các cấp	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
		3.7. Thanh tra, kiểm tra chuyên đề, đột xuất	- Kế hoạch - Báo cáo xử lý	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành	Hàng năm	Kinh phí thường	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
				sau thanh, kiểm tra		và UBND các cấp		xuyên
		2.5. Triển khai thực hiện việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh và của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.	3.8. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC và điều tra sự hài lòng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ	- Kết quả tự đánh giá - Chỉ số CCHC của tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên
	3.9. Xây dựng Bộ chỉ số chấm điểm các Sở, ban, ngành và UBND các cấp		Quyết định ban hành Bộ chỉ số chấm điểm CCHC	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND các cấp	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
	3.10. Tổ chức tự đánh giá và thẩm định kết quả		Thông báo kết quả	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND các cấp	Hàng năm	Kinh phí thường xuyên	
VIII	Công tác thi đua, khen thưởng							
	Phát động phong trào thi đua “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025”	2.1. Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh phát động phong trào thi đua	3.1. Xây dựng Kế hoạch	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND các cấp	Quý IV/2021	Kinh phí thường xuyên
		2.2. Triển khai thực hiện Kế hoạch	3.2. Khen thưởng hàng năm	- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh - Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội thuộc tỉnh	Hàng năm	Kinh phí khen thưởng của tỉnh
			3.3. Khen thưởng tổng kết giai đoạn 2021 - 2025	- Huân chương lao động hạng Ba - Bằng khen của	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa	Năm 2025	Kinh phí khen thưởng

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/SP	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
				Thủ tướng Chính phủ - Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh - Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.		phương, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội thuộc tỉnh		của tỉnh